

Số: 78/2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 16 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên
Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các thôn, bản, tổ dân phố thuộc
các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCA ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định tiêu chí thành lập Tổ, tiêu chí số lượng thành viên; mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các thôn, bản, tổ dân phố thuộc các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lai Châu

1. Số lượng: 616 tổ.

2. Số lượng thành viên: 2.305 thành viên.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự tại các thôn, bản, tổ dân phố, khu phố thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công an;
- Cục KTVB và TCTH pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hà Quang Trung



PHỤ LỤC

*Kèm theo Quyết định số 78 /2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

STT	Tên thôn, bản, tổ dân phố	Số hộ gia đình	Số Tổ bảo vệ ANTT	Số lượng thành viên	Ghi chú
I	PHƯỜNG TÂN PHONG	8.771	29	129	
1	Tổ dân phố số 1	404	1	05	
2	Tổ dân phố số 2	314	1	04	
3	Tổ dân phố số 3	384	1	04	
4	Tổ dân phố số 4	319	1	04	
5	Tổ dân phố số 5	450	1	05	
6	Tổ dân phố số 6	330	1	04	
7	Tổ dân phố số 7	321	1	04	
8	Tổ dân phố số 8	435	1	05	
9	Tổ dân phố số 9	607	1	06	
10	Tổ dân phố số 10	590	1	06	
11	Tổ dân phố số 11	512	1	06	
12	Tổ dân phố số 12	336	1	04	
13	Tổ dân phố số 15	389	1	04	
14	Bản Sin Chải	406	1	06	
15	Bản Tả Làn Than	238	1	04	
16	Bản Lùng Than	79	1	03	
17	Bản Mới	289	1	05	
18	Bản San Thàng	289	1	05	
19	Bản Duy Phong	235	1	04	
20	Bản Phan Lìn	256	1	05	
21	Bản Nùng Nàng	173	1	04	
22	Bản Chín Chu Chải	58	1	03	
23	Bản Lao Ty Phùng	150	1	04	
24	Bản Xi Miên Khan	156	1	04	
25	Bản Phan Chu Hoa	176	1	04	
26	Bản Nà Bỏ	226	1	04	
27	Bản Bản Giang	313	1	05	
28	Bản Thống Nhất	180	1	04	

29	Bản Suối Thầu	156	1	04	
II	PHƯỜNG ĐOÀN KẾT	6.146	22	90	
30	Tổ dân phố Nậm Loỏng	321	1	04	
31	Bản Gia Khâu	368	1	06	
32	Tổ dân phố Sùng Chô	332	1	04	
33	Bản Cư Nhà La	132	1	03	
34	Bản Trung Chải	216	1	04	
35	Bản Sùng Phài	145	1	03	
36	Tổ dân phố số 1	592	1	06	
37	Tổ dân phố số 2	407	1	05	
38	Tổ dân phố số 3	456	1	05	
39	Tổ dân phố số 4	493	1	05	
40	Tổ dân phố số 5	428	1	05	
41	Tổ dân phố số 6	423	1	05	
42	Tổ dân phố số 7	529	1	06	
43	Tổ dân phố số 8	424	1	05	
44	Tổ dân phố số 9	280	1	03	
45	Bản Hồng Thu	89	1	03	
46	Bản Tô Y Phìn	81	1	03	
47	Bản Lản Nhì Thàng	85	1	03	
48	Bản Sì Lèng Chải	88	1	03	
49	Bản Chiêu Sài Phìn	61	1	03	
50	Bản Cung Mù Phìn	136	1	03	
51	Bản Xéo Xiên Pho	60	1	03	
III	XÃ TÂN UYÊN	6.767	32	133	
52	Thôn 1	181	1	04	
53	Thôn 2	191	1	04	
54	Thôn 3	224	1	04	
55	Thôn 5	225	1	04	
56	Thôn 15	230	1	04	
57	Thôn 17	245	1	04	
58	Thôn 21	211	1	04	
59	Bản 24	109	1	03	
60	Thôn 26	365	1	06	
61	Thôn 32	282	1	05	

62	Bản Chạm Cả	250	1	05	
63	Bản Hòa Hợp	243	1	04	
64	Bản Hua Pầu	269	1	05	
65	Bản Nà Nọi	264	1	05	
66	Bản Tân Muôn	154	1	04	
67	Bản Hô Be	252	1	05	
68	Bản Chom Chăng	323	1	05	
69	Bản Nà Ban	259	1	05	
70	Bản Pầu Pất	162	1	04	
71	Bản Tạng Đán	192	1	04	
72	Bản Nậm Cần	201	1	04	
73	Bản Hua Puông	87	1	03	
74	Bản Hua Cần	94	1	03	
75	Bản Nà Phát	148	1	03	
76	Bản Bút Trên	129	1	03	
77	Bản Bút Dưới	234	1	04	
78	Bản Hua Cưởm 1	181	1	04	
79	Bản Hua Cưởm 2	170	1	04	
80	Bản Nậm Kim	252	1	05	
81	Bản Phiêng Phát	335	1	05	
82	Bản Tát Xôm	172	1	04	
83	Bản Hợp Xôm	133	1	03	
IV	XÃ PẮC TA	2.057	13	47	
84	Bản Khau Giường	138	1	03	
85	Bản Suối Lĩnh	184	1	04	
86	Bản Tà Hủ	114	1	03	
87	Bản Thào	139	1	03	
88	Bản Hồ Mít	165	1	04	
89	Bản Nà Sắng	160	1	04	
90	Bản Nà Ún	128	1	03	
91	Bản Pắc Ta	151	1	04	
92	Bản Tân Pắc	192	1	04	
93	Bản Liên Hợp	107	1	03	
94	Bản Thái Hà	263	1	05	
95	Bản Bó Lun	144	1	03	

96	Bản Quyết Tiến	172	1	04	
V	XÃ NẬM SỎ	1.945	11	41	
97	Bản Ui Đạo	163	1	04	
98	Bản Ngam Ca	196	1	04	
99	Bản Nậm Sỏ	236	1	04	
100	Bản Đán Tuyển	176	1	04	
101	Bản Nà Ui	160	1	04	
102	Bản Ít Luông	138	1	03	
103	Bản Hua Sỏ	124	1	03	
104	Bản Nà Lào	199	1	04	
105	Bản Nà Ngò	249	1	04	
106	Bản Ít Chom Trên	171	1	04	
107	Bản Nậm Khăn	133	1	03	
VI	XÃ MƯỜNG KHOA	2.749	14	55	
108	Bản Mường Khoa	247	1	04	
109	Bản Nà Pè	150	1	04	
110	Bản Phương Nam	187	1	04	
111	Bản Hào Nghè	226	1	04	
112	Bản Nà An	212	1	04	
113	Bản Phiêng Tâm	240	1	04	
114	Bản Nậm Cung	194	1	04	
115	Bản Hô Tra	154	1	04	
116	Bản Hô Bon	204	1	04	
117	Bản Nậm Bon	226	1	04	
118	Bản Phúc Khoa	130	1	03	
119	Bản Ngọc Lại	173	1	04	
120	Bản Đoàn Kết	242	1	04	
121	Bản Hô Ta	164	1	04	
VII	XÃ PHONG THỎ	5.194	30	109	
122	Tổ dân phố Pa So	623	1	06	
123	Thôn Vàng Bó	306	1	05	
124	Tổ dân phố Hữu Nghị	533	1	06	
125	Bản Vàng Bâu	108	1	03	
126	Bản Nà Củng	152	1	04	
127	Thôn Tây An	306	1	05	

128	Thôn Tây Sơn	222	1	04	
129	Bản Mường So	351	1	06	
130	Bản Huổi Én	242	1	04	
131	Thôn Tây nguyên	215	1	04	
132	Bản Tả Phìn	132	1	03	
133	Bản Thèn Xin	92	1	03	
134	Bản Pờ Ma Hồ	90	1	03	
135	Bản Ma Ly Pho	106	1	03	
136	Bản Pa Nặm Cúm	127	1	03	
137	Bản Hùng Pèng	42	1	03	
138	Bản Pờ Ngài	50	1	03	
139	Bản Ngài Chồ	157	1	04	
140	Bản Làng Vây 1	140	1	03	
141	Bản Làng Vây 2	60	1	03	
142	Bản Nhiều Sáng	112	1	03	
143	Bản Hoàng Trù Sào	53	1	03	
144	Bản Pô Tô	106	1	03	
145	Bản Ma Lù Thàng	114	1	03	
146	Bản Chang Hồng	118	1	03	
147	Bản La Vân	210	1	04	
148	Bản Nặm Le	117	1	03	
149	Bản Hồ Thầu	85	1	03	
150	Bản Na Sa Phìn	80	1	03	
151	Bản Huổi Luông	145	1	03	
VIII	XÃ KHỔNG LÀO	3.532	22	78	
152	Bản Huổi Phặc	288	1	05	
153	Bản Khổng Lào	186	1	04	
154	Bản Phai Cát	291	1	05	
155	Bản Nặm Khay	138	1	03	
156	Bản Huổi Luông	181	1	04	
157	Bản Mồ Sỉ Câu	105	1	03	
158	Bản Nặm Cáy	103	1	03	
159	Bản Lèng Xuôi Chín	98	1	03	
160	Bản Hoang Thèn	128	1	03	
161	Bản Xin Chải	234	1	04	

162	Bản Hợp 1	229	1	04	
163	Bản Lang	305	1	05	
164	Bản Nà Cúng	182	1	04	
165	Bản Giao Chẩn	139	1	03	
166	Bản Pho	71	1	03	
167	Bản Má Tiên	101	1	03	
168	Bản Nậm Lùng	98	1	03	
169	Bản Nà Doong	124	1	03	
170	Bản Nà Giang	125	1	03	
171	Bản Thèn Thầu	218	1	04	
172	Bản Má Nghé	73	1	03	
173	Bản Sàng Giang	115	1	03	
IX	XÃ SIN SUỐI HỒ	3.316	18	70	
174	Bản Chí Sáng	164	1	04	
175	Bản Cẩn Câu	216	1	04	
176	Bản Dền Sung	134	1	03	
177	Bản Sàng Mà Pho	89	1	03	
178	Bản Sin Suối Hồ	255	1	05	
179	Bản Chảng Phàng	123	1	03	
180	Bản Mẩn	262	1	05	
181	Bản Van Hồ	148	1	03	
182	Bản Hoàng Liên Sơn	174	1	04	
183	Bản Dền Thàng	160	1	04	
184	Bản Mỏ	219	1	04	
185	Bản Nậm Xe	136	1	03	
186	Bản Po Chà	172	1	04	
187	Bản Pà Chải	154	1	04	
188	Bản Huổi Hán	141	1	03	
189	Bản Thèn Sin	338	1	05	
190	Bản Lở Thàng	277	1	05	
191	Bản Sin Câu	154	1	04	
X	XÃ DÀO SAN	2.926	15	59	
192	Bản Dền thàng	403	1	06	
193	Bản Sin Cai	224	1	04	
194	Bản Dền Sang	94	1	03	

195	Bản San Cha	82	1	03	
196	Bản Ma Can	100	1	03	
197	Bản Sẻnh Sẻng	201	1	04	
198	Bản U Ní Chải	148	1	03	
199	Bản Sin Chải	522	1	06	
200	Bản Mù Sang	169	1	04	
201	Bản Khoa San	215	1	04	
202	Bản Can Chu Dao	107	1	03	
203	Bản Lùng Than	54	1	03	
204	Bản Sẻng Sang	82	1	03	
205	Bản Tung Qua Lìn	173	1	04	
206	Bản Cẻng Ký	352	1	06	
XI	XÃ SÌ LỎ LẬU	3.039	16	63	
207	Bản Phố Vây	226	1	04	
208	Bản Gia Khâu	308	1	05	
209	Bản Lao Chải	144	1	03	
210	Bản Lả Nhì Thàng	162	1	04	
211	Bản Tỷ Phùng	239	1	04	
212	Bản Tả Chải	159	1	04	
213	Bản Tả Ô	218	1	04	
214	Bản Đồng Tiến	186	1	04	
215	Bản Vàng Ma Chải	264	1	05	
216	Bản Hoang Thèn	85	1	03	
217	Bản Mồ Sỉ San	180	1	04	
218	Bản Sẻo Hồ Thầu	174	1	04	
219	Bản Tân Sẻo Phìn	183	1	04	
220	Bản Pa Vây Sủ	175	1	04	
221	Bản Ngải Thầu	143	1	03	
222	Bản Hang É	193	1	04	
XII	XÃ SÌN HỒ	2.587	15	57	
223	Thôn 1	170	1	04	
224	Thôn 2	192	1	04	
225	Thôn 3	216	1	04	
226	Thôn 4	198	1	04	
227	Thôn 5	216	1	04	

228	Bản Tả Phìn	171	1	04	
229	Bản Suối Sù Tổng	181	1	04	
230	Bản Bành Phán	175	1	04	
231	Bản Sà Dề Phìn	202	1	04	
232	Bản Mao Sao Phìn	253	1	05	
233	Bản Lô Tô Phìn	44	1	03	
234	Bản Sang Tăng Ngai	88	1	03	
235	Bản Phăng Sô Lin	223	1	04	
236	Bản Nậm Lúc	127	1	03	
237	Bản Hoàng Hồ	131	1	03	
XIII	XÃ HỒNG THU	2.525	18	62	
238	Bản Nà Kế 3	122	1	03	
239	Bản Hồng Thu	143	1	03	
240	Bản Nà Kế	253	1	05	
241	Bản Tả Thàng	138	1	03	
242	Bản Than Chi Hồ	153	1	04	
243	Bản Xà Chải	103	1	03	
244	Bản Pa Chao Ô	58	1	03	
245	Bản Ma Quai Thàng	93	1	03	
246	Bản Nậm Mạ Thái	198	1	04	
247	Bản Phìn Hồ	85	1	03	
248	Bản Đin Đanh	80	1	03	
249	Bản Nậm Mạ Đạo	95	1	03	
250	Bản Can Tỷ	182	1	04	
251	Bản Can Tỷ 2	68	1	03	
252	Bản Tả Ghênh	237	1	04	
253	Bản Seo Lềng	213	1	04	
254	Bản Pa Phang	176	1	04	
255	Bản Ma Quai	128	1	03	
XIV	XÃ PU SAM CẤP	2.169	11	42	
256	Bản Hồ Sì Pán	149	1	03	
257	Bản Nà Phân	139	1	03	
258	Bản Nậm Béo	105	1	03	
259	Bản Can Mưóng	248	1	04	
260	Bản Noong Hẻo	186	1	04	

261	Bản Nậm Há	357	1	06	
262	Bản Ná Cang	176	1	04	
263	Bản Ná Đon	316	1	05	
264	Bản Hồng Quảng	214	1	04	
265	Bản Hua Ná	102	1	03	
266	Bản Pa Khóa	139	1	03	
XV	XÃ TỬA SÍN CHẢI	2.567	16	58	
267	Bản Pu Chu Phìn	106	1	03	
268	Bản Tia Chí Lư	215	1	04	
269	Bản Tủa Sín Chải	181	1	04	
270	Bản Thành Chử	105	1	03	
271	Bản San Sủa Hồ	166	1	04	
272	Bản Tả Ngảo	192	1	04	
273	Bản Nậm Chản	182	1	04	
274	Bản Háng Lìa	147	1	03	
275	Bản Nậm Khăm	162	1	04	
276	Bản San Thàng	132	1	03	
277	Bản Phìn Hồ	104	1	03	
278	Bản Ka Sín Chải	117	1	03	
279	Bản Tù Cù Phìn	191	1	04	
280	Bản Làng Mô	250	1	05	
281	Bản Nhiều Sáng	141	1	03	
282	Bản Ngải San	176	1	04	
XVI	XÃ NẬM TẮM	2.651	15	54	
283	Bản Nà Tăm	32	1	03	
284	Bản Nà Tăm 1	333	1	05	
285	Bản Pá Khôm	174	1	04	
286	Bản Phiêng Chá	231	1	04	
287	Bản Tả Tủ	286	1	05	
288	Bản Lùng Cù	235	1	04	
289	Bản Can Hồ	331	1	05	
290	Bản Nậm Bó	152	1	04	
291	Bản Ngải Chồ	144	1	03	
292	Bản Nậm Cha	275	1	05	
293	Bản Nậm Ngập	126	1	03	

294	Bản Seo Phìn	76	1	03	
295	Bản Nậm Chăng	123	1	03	
296	Bản Nậm Pẻ	100	1	03	
XVII	XÃ NẬM CUỐI	2.093	16	55	
297	Bản Nậm Cọ	33	1	03	
298	Bản Nậm Hoi	172	1	04	
299	Bản Hua Cuối	120	1	03	
300	Bản Nậm Coóng	122	1	03	
301	Bản Cuối Nưa	213	1	04	
302	Bản Nậm Cuối	235	1	04	
303	Bản Nậm Hăn	266	1	05	
304	Bản Can Ma	66	1	03	
305	Bản Nậm Đo	84	1	03	
306	Bản Chát Thái	60	1	03	
307	Bản Co Săn	164	1	04	
308	Bản Chát Đạo	75	1	03	
309	Bản Nậm Lốt	135	1	03	
310	Bản Huổi Lá	131	1	03	
311	Bản Hay	59	1	03	
312	Bản Huổi Pha	158	1	04	
XVIII	XÃ NẬM MẠ	1.324	8	30	
313	Bản Huổi Ca	188	1	04	
314	Bản Nậm Mạ	195	1	04	
315	Bản Nậm Phìn	189	1	04	
316	Bản Là Cuối	146	1	03	
317	Bản Cấn Co	152	1	04	
318	Bản Nậm Kinh	122	1	03	
319	Bản Nậm Ngá	158	1	04	
320	Bản Ngài Thầu	174	1	04	
XIX	XÃ BÌNH LỰ	4.146	22	88	
321	Bản Cò Lá	230	1	04	
322	Thôn Độc Lập	154	1	04	
323	Bản Mường Lự	203	1	04	
324	Thôn Đoàn Kết	211	1	04	
325	Bản Mường Cầu	350	1	06	

326	Thôn Thanh Bình	168	1	04	
327	Bản Thác Tình	236	1	04	
328	Thôn Tiên Bình	249	1	04	
329	Thôn Tam Đường	162	1	04	
330	Thôn Hoa Vân	170	1	04	
331	Thôn Thống Nhất	175	1	04	
332	Bản Nà Đon	225	1	04	
333	Bản Nà Phát	168	1	04	
334	Bản Hạnh Phúc	155	1	04	
335	Bản Thái Bình	134	1	03	
336	Bản Pa Pe	75	1	03	
337	Bản Chu Va	170	1	04	
338	Bản Ngũ Chỉ Sơn	212	1	04	
339	Bản Ô Quy Hồ	155	1	04	
340	Bản Sơn Bình	220	1	04	
341	Bản Tân Hợp	152	1	04	
342	Bản Hoàng Liên Sơn	172	1	04	
XX	XÃ BẢN BO	1.970	15	52	
343	Bản Phú Vân	35	1	03	
344	Bản Hưng Phong	272	1	05	
345	Bản Hua Sảng	87	1	03	
346	Bản Cốc Phụng	75	1	03	
347	Bản Nậm Phát	72	1	03	
348	Bản Nà Yên	85	1	03	
349	Bản Hợp Nhất	274	1	05	
350	Bản Nậm An	174	1	04	
351	Bản Nà Khương	159	1	04	
352	Bản Bình Minh	148	1	03	
353	Bản Nà Tăm	184	1	04	
354	Bản Nà Luồng	105	1	03	
355	Bản Nà Hiềng	127	1	03	
356	Bản Coóc Cuông	85	1	03	
357	Bản Phiêng Giăng	88	1	03	
XXI	XÃ KHUN HÁ	1.780	12	42	
358	Bản Thèn Thầu	164	1	04	

359	Bản Can Hồ	86	1	03	
360	Bản Chù Khèo	97	1	03	
361	Bản Ngài Thầu	120	1	03	
362	Bản Nậm Đích	111	1	03	
363	Bản Sằn Phàng	109	1	03	
364	Bản Chinh Sáng	193	1	04	
365	Bản Lao Chải	284	1	05	
366	Bản Hon	178	1	04	
367	Bản Thẳm	125	1	03	
368	Bản Đông Pao	237	1	04	
369	Bản Chăn Nuôi	76	1	03	
XXII	XÃ TẢ LÈNG	2.461	13	52	
370	Bản Hồ Thầu	174	1	04	
371	Bản Sì Thâu Chải	61	1	03	
372	Bản Thống Nhất	252	1	05	
373	Bản Chù Lìn	184	1	04	
374	Bản Mào Phô	244	1	04	
375	Bản Ngài Chù	113	1	03	
376	Bản Sin Câu	169	1	04	
377	Bản Giang Ma	196	1	04	
378	Bản Sủ Thàng	149	1	03	
379	Bản Tả Lèng	276	1	05	
380	Bản San Tra	211	1	04	
381	Bản Hồ Pên	176	1	04	
382	Bản Phìn Ngan	256	1	05	
XXIII	XÃ BUM TỎ	2.714	20	71	
383	Bản Nậm Cầu	158	1	04	
384	Bản Huổi Han	144	1	03	
385	Bản Nậm Xả	117	1	03	
386	Bản Đầu Nậm Xả	152	1	04	
387	Bản Phìn Khò	169	1	04	
388	Bản Chà Dì	74	1	03	
389	Bản Tả Phìn	55	1	03	
390	Bản Can Hồ	181	1	04	
391	Bản Suối Voi	46	1	03	

392	Bản Nậm Lọ	130	1	03	
393	Bản Seo Hai	83	1	03	
394	Sì Thâu Chải	100	1	03	
395	Thôn 1	185	1	04	
396	Bản Bo	157	1	04	
397	Thôn 7	175	1	04	
398	Thôn 8	157	1	04	
399	Bản Mẩn	154	1	04	
400	Thôn 10	170	1	04	
401	Bản Nà Áng	190	1	04	
402	Thôn 12	117	1	03	
XXIV	XÃ BUM NUẢ	1.766	11	41	
403	Bản Bum	298	1	05	
404	Bản Nà Lang	197	1	04	
405	Bản Nà Hừ	288	1	05	
406	Bản Nậm Cùm	156	1	04	
407	Bản Seo Thèn	206	1	04	
408	Bản Pá Hạ	131	1	03	
409	Bản Sín Chải	155	1	04	
410	Bản A Mại	94	1	03	
411	Bản Xà Phìn	83	1	03	
412	Bản Phí Chi	59	1	03	
413	Bản Khòang Thèn	99	1	03	
XXV	XÃ MUỜNG TÈ	1.673	9	35	
414	Bản Giăng	190	1	04	
415	Bản Nậm Cùm	452	1	06	
416	Bản Mường Tè	216	1	04	
417	Bản Nậm Hản	171	1	04	
418	Bản Pắc Ma	193	1	04	
419	Bản Láng Phiếu	163	1	04	
420	Bản Nậm Phìn	94	1	03	
421	Bản Xám Láng	118	1	03	
422	Bản Huổi Tát	76	1	03	
XXVI	XÃ MÙ CẢ	879	9	28	
423	Bản Tó Khò	79	1	03	

424	Bản Xi Nề	123	1	03	
425	Bản Mù Cả	121	1	03	
426	Bản Ma Ký	127	1	03	
427	Bản Tè Xá	64	1	03	
428	Bản Gò Cừ	159	1	04	
429	Bản Phìn Khò	78	1	03	
430	Bản Mò Su	43	1	03	
431	Bản Lù Khò	85	1	03	
XXVII	XÃ PA Ủ	1.504	12	39	
432	Bản Ló Mé	190	1	04	
433	Bản Tá Bạ	147	1	03	
434	Bản Nhóm Pó	69	1	03	
435	Bản Vạ Pù	62	1	03	
436	Bản Lạ Pê	88	1	03	
437	Bản Pa Ủ	159	1	04	
438	Bản Thăm Pa	207	1	04	
439	Bản Ú Ma	149	1	03	
440	Bản Pha Bu	125	1	03	
441	Bản Cờ Lò	128	1	03	
442	Bản Xà Hồ	104	1	03	
443	Bản Hà Xi	76	1	03	
XXVIII	XÃ THU LŨM	1.169	16	49	
444	Bản Pa Thắng	77	1	03	
445	Bản Thu Lũm	144	1	03	
446	Bản Gò Khả	89	1	03	
447	Bản Là Si	20	1	03	
448	Bản Coòng Khả	61	1	03	
449	Bản U Ma	70	1	03	
450	Bản Ló Na	66	1	03	
451	Bản Á Chè	18	1	03	
452	Bản Ka Lãng	99	1	03	
453	Bản Lò Ma	35	1	03	
454	Bản Mé Gióng	175	1	04	
455	Bản Tù Nạ	37	1	03	
456	Bản Lé Ma	71	1	03	

457	Bản Nhù Te	62	1	03	
458	Bản Là Ú Cò	111	1	03	
459	Bản Y Ka Đa	34	1	03	
XXIX	XÃ TÀ TỔNG	1.471	13	42	
460	Bản Tà Tổng	287	1	05	
461	Bản Ngà Chồ	93	1	03	
462	Bản Giàng Ly Cha	110	1	03	
463	Bản Cô Lô Hồ	118	1	03	
464	Bản A Mé	49	1	03	
465	Bản Nậm Dính	117	1	03	
466	Bản Nậm Ngà	92	1	03	
467	Bản Tia Ma Mủ	86	1	03	
468	Bản U Na	103	1	03	
469	Bản Pà Khà	103	1	03	
470	Bản Cao Chải	192	1	04	
471	Bản Sính Sí	55	1	03	
472	Bản Suối Mua	66	1	03	
XXX	XÃ THAN UYÊN	5.996	19	93	
473	Tổ dân phố 1	423	1	05	
474	Tổ dân phố 2	458	1	05	
475	Tổ dân phố 3	408	1	05	
476	Tổ dân phố 5	330	1	04	
477	Bản Cẩm Trung	428	1	06	
478	Bản Khiêng Ngà	192	1	04	
479	Bản Sen Đông	297	1	05	
480	Bản Ến Nọi	238	1	04	
481	Bản Mường Than	384	1	06	
482	Bản Lăn Giăng	328	1	05	
483	Bản Mường	295	1	05	
484	Bản Pom Bó	276	1	05	
485	Bản Mạ	331	1	05	
486	Bản Phiêng Cẩm	284	1	05	
487	Bản Cang Cai	199	1	04	
488	Bản Mường Cang	340	1	05	
489	Bản Huổi Hăm	45	1	03	
490	Bản Pù Cáy	373	1	06	
491	Bản Hua Nà	367	1	06	

XXXI	XÃ MUỜNG THAN	2.770	18	64	
492	Bản Ngà Phát	213	1	04	
493	Bản Nà Xa	175	1	04	
494	Bản Sân Bay	111	1	03	
495	Bản Sam Sầu	139	1	03	
496	Bản Nà Phái	195	1	04	
497	Bản Đội 9	256	1	05	
498	Bản Che Bó	67	1	03	
499	Bản Noong Thằng	220	1	04	
500	Bản Nậm Sáng	72	1	03	
501	Bản Sấp Ngựa	263	1	05	
502	Bản Mớ	117	1	03	
503	Bản Chít	210	1	04	
504	Bản Khi	70	1	03	
505	Bản Nậm Ngựa	145	1	03	
506	Bản Hát Nam	62	1	03	
507	Bản Mường Mít	206	1	04	
508	Bản Vè	122	1	03	
509	Bản Khoang	127	1	03	
XXXII	XÃ MUỜNG KIM	3.790	21	83	
510	Bản Thắm Phé	170	1	04	
511	Bản Lướt	193	1	04	
512	Bản Là	264	1	05	
513	Bản Chiềng Ban	283	1	05	
514	Bản Nà Dân	238	1	04	
515	Bản Nà É	161	1	04	
516	Bản Mường	317	1	05	
517	Bản Nà Khương	258	1	05	
518	Bản Nà Đình	193	1	04	
519	Bản Chát	213	1	04	
520	Bản Lun	210	1	04	
521	Bản Pá Liềng	153	1	04	
522	Bản Tà Mung	225	1	04	
523	Bản Tu San	201	1	04	
524	Bản Pha Mu	107	1	03	
525	Bản Pá Khoang	46	1	03	
526	Bản Cáp Na	258	1	05	
527	Bản Hua Chít	60	1	03	
528	Bản Noong Ổ	86	1	03	

529	Bản Khi	129	1	03	
530	Bản Pá Chít Tầu	25	1	03	
XXXIII	XÃ KHOEN ON	1.871	14	50	
531	Bản Mỹ	152	1	04	
532	Bản Nam	193	1	04	
533	Bản Gia	162	1	04	
534	Bản Củng	183	1	04	
535	Bản Hỷ	200	1	04	
536	Bản Noong Quài	43	1	03	
537	Bản Huổi Cầy	43	1	03	
538	Bản Mở	162	1	04	
539	Bản Chế Hạng	92	1	03	
540	Bản Mùi	295	1	05	
541	Bản Tà Lôm	61	1	03	
542	Bản Hua Đán	76	1	03	
543	Bản Noong Quang	86	1	03	
544	Bản On	123	1	03	
XXXIV	XÃ LÊ LỢI	2.193	18	59	
545	Bản Pú Dao	229	1	04	
546	Bản Nậm Pi	29	1	03	
547	Bản Chợ	107	1	03	
548	Bản Chang	104	1	03	
549	Bản Nậm Na	145	1	03	
550	Bản Nậm Cầy	229	1	04	
551	Bản Chiềng Chăn	326	1	05	
552	Bản Chiềng Nưa	227	1	04	
553	Bản Pá Bon	142	1	03	
554	Bản Pá Sập	53	1	03	
555	Bản Pá Đôn	40	1	03	
556	Bản Ma Sang	127	1	03	
557	Bản Pề Ngài 2	112	1	03	
558	Bản Pề Ngài 1	58	1	03	
559	Bản Nậm Vời	26	1	03	
560	Bản Nậm Pi 1	41	1	03	
561	Bản Tia Khí	68	1	03	
562	Bản Phi Én	130	1	03	
XXXV	XÃ MUỜNG MÔ	1.572	15	50	

563	Bản Giăng	150	1	04	
564	Bản Cang	48	1	03	
565	Bản Mường Mô	152	1	04	
566	Bản Nậm Hải	128	1	03	
567	Bản Nậm Khao	40	1	03	
568	Bản Tổng Pít	98	1	03	
569	Bản Hát Mé	62	1	03	
570	Bản Mường Mô 1	153	1	04	
571	Bản Phiêng Lăn	67	1	03	
572	Bản Huổi Sớ	67	1	03	
573	Bản Huổi Đạo	89	1	03	
574	Bản Táng Ngá	108	1	03	
575	Bản Nậm Chà	184	1	04	
576	Bản Huổi Lính	68	1	03	
577	Bản Huổi Mẩn	158	1	04	
XXXVI	XÃ HUA BUM	1.231	12	39	
578	Bản Chang Chảo Pá	255	1	05	
579	Bản Pa Mu	99	1	03	
580	Bản Pa Cheo	66	1	03	
581	Bản Nậm Cười	46	1	03	
582	Bản Nậm Tảng	46	1	03	
583	Bản Nậm Nghe	51	1	03	
584	Bản Nà Phầy	109	1	03	
585	Bản Sang Sui	104	1	03	
586	Bản Nậm Suổng	86	1	03	
587	Bản Nậm Sẻ	63	1	03	
588	Bản Pắc Pạ	138	1	03	
589	Bản Vàng San	168	1	04	
XXXVII	XÃ NẬM HÀNG	2.366	16	55	
590	Bản Pá Kéo	327	1	05	
591	Bản Nậm Hàng	180	1	04	
592	Bản Nậm Nhùn	238	1	04	
593	Bản Nậm Cầy	243	1	04	
594	Bản Nậm Dòn	274	1	05	
595	Bản Huổi Pét	131	1	03	

596	Bản Huổi Van	133	1	03	
597	Bản Huổi Đanh	37	1	03	
598	Bản Nậm Ty	131	1	03	
599	Bản Lồng Ngài	50	1	03	
600	Bản Nậm Lay	44	1	03	
601	Bản Nậm Manh	132	1	03	
602	Bản Huổi Héo	60	1	03	
603	Bản Nậm Pồ	99	1	03	
604	Bản Nậm Nàn	143	1	03	
605	Bản Huổi Chát	144	1	03	
XXXVIII	XÃ PA TẦN	1.879	11	41	
606	Bản Nậm Ban	112	1	03	
607	Bản Nậm Vản	60	1	03	
608	Bản Nậm Vạc	173	1	04	
609	Bản Hua Pảng	137	1	03	
610	Bản Nậm Nó	104	1	03	
611	Bản Trung Chải	222	1	04	
612	Bản Pa Tần 1	390	1	06	
613	Bản Pa Tần 2	306	1	05	
614	Bản Nậm Tiến	125	1	03	
615	Bản Nậm Tần	156	1	04	
616	Bản Pho	94	1	03	
Tổng:		107.559	616	2305	
